

Số: 4872 /UBND-KTTC

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 5 năm 2017

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai
dự toán ngân sách năm 2017 tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa báo cáo Bộ Tài chính tình hình công khai ngân sách tỉnh Thanh Hóa năm 2017, như sau:

1. Tình hình công khai ngân sách tại các xã, phường, thị trấn

1.1. Số xã chưa công khai ngân sách: 0 xã.

1.2. Số xã đã thực hiện công khai ngân sách: 635 xã.

Trong đó:

a) Đúng nội dung quy định: 635 xã, chưa đúng nội dung quy định: 0 xã.

b) Đúng hình thức quy định: 635 xã, chưa đúng hình thức quy định: 0 xã.

c) Đúng thời gian quy định: 635 xã, chưa đúng thời gian quy định: 0 xã.

2. Tình hình công khai ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố

2.1. Số huyện chưa thực hiện công khai ngân sách: 0 huyện..

2.2. Số huyện đã thực hiện công khai ngân sách: 27 huyện.

(Chi tiết theo phụ biểu số 01 đính kèm).

3. Tình hình công khai ngân sách của các đơn vị thuộc cấp huyện, thị xã, thành phố

3.1. Số đơn vị dự toán chưa thực hiện công khai: 0 đơn vị.

3.2. Số đơn vị dự toán đã thực hiện công khai ngân sách: 2.947 đơn vị.

Trong đó:

a) Đúng nội dung quy định: 2.947 đơn vị; chưa đúng nội dung quy định: 0 đơn vị.

b) Đúng hình thức quy định: 2.947 đơn vị; chưa đúng hình thức quy định: 0 đơn vị.

c) Đúng thời gian quy định: 2.947 đơn vị; chưa đúng thời gian quy định: 0 đơn vị.

(Chi tiết theo phụ biểu số 02 đính kèm).

4. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh

4.1. Số đơn vị dự toán chưa thực hiện công khai: 0 đơn vị.

4.2. Số đơn vị dự toán đã thực hiện công khai ngân sách: 334 đơn vị.

Trong đó:

- a) Số đơn vị công khai đúng nội dung: 334 đơn vị; không đúng nội dung: 0 đơn vị.
- b) Số đơn vị công khai đúng hình thức: 334 đơn vị; không đúng hình thức: 0 đơn vị.
- c) Số đơn vị công khai đúng thời gian: 290 đơn vị; không đúng thời gian: 44 đơn vị.

(Chi tiết theo phụ biểu số 03 đính kèm).

5. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ

5.1. Số đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ chưa thực hiện công khai: 0 đơn vị.

5.2. Số đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ đã thực hiện công khai: 17 đơn vị.

6. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước

6.1. Số dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước chưa thực hiện công khai: 0 dự án.

6.2. Số dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã thực hiện công khai: 112 dự án.

(Chi tiết theo phụ biểu số 04 đính kèm).

7. Tình hình thực hiện công khai tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước

7.1. Số doanh nghiệp nhà nước chưa thực hiện công khai: 0 doanh nghiệp.

7.2. Số doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện công khai: 08 doanh nghiệp.

8. Tình hình thực hiện công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước

8.1. Các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước chưa thực hiện công khai: 0 quỹ.

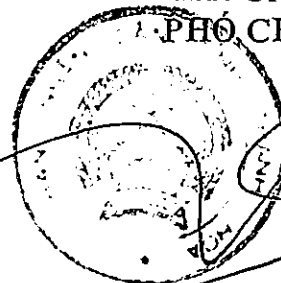
8.2. Các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước đã thực hiện công khai: 05 quỹ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Vụ NSNN – Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, các ngành liên quan;
- Lưu: VT, KTTTC Thn 201796 (15).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

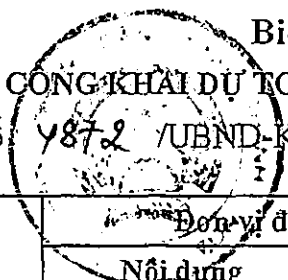


Lê Thị Thìn

Biểu số 01:

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CÔNG KHAI DỰ TOÁN NĂM 2017 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Công văn số 4872 /UBND-KTTC ngày 08 /5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán 2017						Chưa thực hiện công khai dự toán 2017
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
	TỔNG CỘNG:	27		27		27		
1	TP. Thanh Hóa	x		x		x		
2	TX. Bim Sơn	x		x		x		
3	TX. Sầm Sơn	x		x		x		
4	Đông Sơn	x		x		x		
5	Yên Định	x		x		x		
6	Thọ Xuân	x		x		x		
7	Thiệu Hóa	x		x		x		
8	Hoằng Hóa	x		x		x		
9	Nga Sơn	x		x		x		
10	Hà Trung	x		x		x		
11	Hậu Lộc	x		x		x		
12	Nông Cống	x		x		x		
13	Quảng Xương	x		x		x		
14	Vĩnh Lộc	x		x		x		
15	Triệu Sơn	x		x		x		
16	Tĩnh Gia	x		x		x		
17	Cẩm Thủy	x		x		x		
18	Thạch Thành	x		x		x		
19	Như Thanh	x		x		x		
20	Ngọc Lặc	x		x		x		
21	Như Xuân	x		x		x		
22	Quan Hóa	x		x		x		
23	Quan Sơn	x		x		x		
24	Lang Chánh	x		x		x		
25	Bá Thước	x		x		x		
26	Thường Xuân	x		x		x		
27	Mường Lát	x		x		x		

Handwritten signature

Biểu số 02:

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM 2017 CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP HUYỆN, TX, TP

(Kèm theo Công văn số 1872 /UBND-KTTC ngày 08 /5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên đơn vị	Đơn vị dự toán		Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán 2017						Chưa thực hiện công khai dự toán		Ghi chú
		Tổng số	Trđ: Khối xã	Nội dung		Hình thức		Thời gian		Tổng số	Trđ: Khối GD	
				Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức			
	Tổng số:	2.947	635	2.947	-	2.947	-	2.947	-			
1	TP Thanh Hoá	144	37	144		144		144				
2	TX Sầm Sơn	54	11	54		54		54				
3	TX Bỉm Sơn	53	8	53		53		53				
4	H. Hà Trung	118	25	118		118		118				
5	H. Nga Sơn	133	27	133		133		133				
6	H. Hậu Lộc	127	27	127		127		127				
7	H. Hoằng Hoá	135	43	135		135		135				
8	Quảng Xương	135	30	135		135		135				
9	H. Tĩnh Gia	128	34	128		128		128				
10	H. Nông Cống	159	32	159		159		159				
11	H. Đông Sơn	52	15	52		52		52				
12	H. Triệu Sơn	162	36	162		162		162				
13	H. Thọ Xuân	181	41	181		181		181				
14	H. Yên Định	132	29	132		132		132				
15	H. Thiệu Hoá	126	28	126		126		126				
16	H. Vĩnh Lộc	93	16	93		93		93				
17	Thạch Thành	154	28	154		154		154				
18	H. Cẩm Thủy	98	20	98		98		98				
19	H. Ngọc Lặc	97	22	97		97		97				
20	H. Như Thanh	84	17	84		84		84				
21	H. Lang Chánh	62	11	62		62		62				
22	H. Bá Thước	116	23	116		116		116				
23	H. Quan Hoá	88	18	88		88		88				
24	Thường Xuân	106	17	106		106		106				
25	H. Như Xuân	89	18	89		89		89				
26	H. Mường Lát	53	9	53		53		53				
27	H. Quan Sơn	68	13	68		68		68				

Handwritten signature

Biểu số 03:

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CÔNG KHAI TẠI CHÍNH NĂM 2017 CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TỈNH

(Kèm theo Công văn số 7872/UBND-KTTC ngày 08/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
	TỔNG SỐ:	347		347		303	44	
A	Các đơn vị dự toán cấp tỉnh	334		334		290	44	
I	Khối y tế	75		75		72	3	
1	Sở Y tế	x		x		x		
2	Chi cục ATVSTP	x		x		x		
3	Chi cục Dân số KHHGD	x		x		x		
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	x		x		x		
5	Bệnh viện Phụ sản	x		x		x		
6	Bệnh viện Y dược cổ truyền	x		x		x		
7	Bệnh viện Mắt	x		x		x		
8	Bệnh viện Da liễu	x		x		x		
9	Bệnh viện Nội tiết	x		x		x		
10	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	x		x		x		
11	Bệnh viện Tâm thần	x		x		x		
12	Bệnh viện Phục hồi chức năng	x		x		x		
13	Bệnh viện Nhi	x		x		x		
14	Bệnh viện Đa khoa Ngọc Lặc	x		x		x		
15	Bệnh viện Đa khoa huyện Tĩnh gia	x		x		x		
16	TT PC sốt rét KST và CT	x		x		x		
17	TT Truyền thông GD sức khoẻ	x		x		x		
18	Trung tâm Kiểm nghiệm	x		x		x		
19	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	x		x		x		
20	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	x		x		x		
21	Trung tâm Giám định y khoa	x		x		x		
22	TT Chăm sóc sức khoẻ sinh sản	x		x		x		
23	Trung tâm Pháp y	x		x		x		
24	Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) thành phố Thanh Hoá	x		x		x		
25	BVĐK Thị xã Sầm Sơn	x		x		x		
26	BVĐK Thị xã Bùn Sơn	x		x		x		
27	BVĐK huyện Nga Sơn	x		x		x		
28	BVĐK huyện Hà Trung	x		x		x		
29	BVĐK huyện Hậu Lộc	x		x		x		
30	BVĐK huyện Hoằng Hoá	x		x		x		
31	BVĐK huyện Quảng Xương	x		x		x		
32	BVĐK huyện Nông Cống	x		x		x		
33	BVĐK huyện Đông Sơn	x		x		x		
34	BVĐK huyện Triệu Sơn	x		x		x		
35	BVĐK huyện Thọ Xuân	x		x		x		

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
36	BVĐK huyện Thiệu Hoá	x		x		x		
37	BVĐK huyện Yên Định	x		x		x		
38	BVĐK huyện Vĩnh Lộc	x		x		x		
39	BVĐK huyện Thạch Thành	x		x		x		
40	BVĐK huyện Cẩm Thủy	x		x		x		
41	BVĐK huyện Như Thanh	x		x		x		
42	BVĐK huyện Như Xuân	x		x		x		
43	BVĐK huyện Thường Xuân	x		x		x		
44	BVĐK huyện Lang Chánh	x		x		x		
45	BVĐK huyện Bá Thước	x		x		x		
46	BVĐK huyện Quan Hoá	x		x		x		
47	BVĐK huyện Quan Sơn	x		x		x		
48	BVĐK huyện Mường Lát	x		x		x		
49	Trung tâm Y tế (TTYT) thành phố Thanh Hoá	x		x		x		
50	TTYT TX Sầm Sơn	x		x			x	
51	TTYT TX Bỉm Sơn	x		x		x		
52	TTYT huyện Nga Sơn	x		x		x		
53	TTYT huyện Hà Trung	x		x		x		
54	TTYT huyện Hậu Lộc	x		x			x	
55	TTYT huyện Hoằng Hoá	x		x		x		
56	TTYT huyện Quảng Xương	x		x			x	
57	TTYT huyện Tĩnh Gia	x		x		x		
58	TTYT huyện Nông Cống	x		x		x		
59	TTYT huyện Đông Sơn	x		x		x		
60	TTYT huyện Triệu Sơn	x		x		x		
61	TTYT huyện Thọ Xuân	x		x		x		
62	TTYT huyện Thiệu Hoá	x		x		x		
63	TTYT huyện Yên Định	x		x		x		
64	TTYT huyện Vĩnh Lộc	x		x		x		
65	TTYT huyện Thạch Thành	x		x		x		
66	TTYT huyện Cẩm Thủy	x		x		x		
67	TTYT huyện Ngọc Lặc	x		x		x		
68	TTYT huyện Như Thanh	x		x		x		
69	TTYT huyện Như Xuân	x		x		x		
70	TTYT huyện Thường Xuân	x		x		x		
71	TTYT huyện Lang Chánh	x		x		x		
72	TTYT huyện Bá Thước	x		x		x		
73	TTYT huyện Quan Hoá	x		x		x		
74	TTYT huyện Quan Sơn	x		x		x		
75	TTYT huyện Mường Lát	x		x		x		
II	Khỏi các hội đoàn thể	25		25		17	8	
1	Mặt trận Tổ quốc tỉnh	x		x		x		
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	x		x		x		

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
3	Tinh đoàn TNCS Hồ Chí Minh	x		x		x		
4	VP Đoàn khối các cơ quan tỉnh TH	x		x		x		
5	Hội Nông dân	x		x		x		
6	Hội Cựu chiến binh	x		x		x		
7	Hội Chữ thập đỏ Thanh hóa	x		x			x	
8	Hội người Mù	x		x		x		
9	Hội Nhà báo Thanh hóa	x		x			x	
10	Hội Văn học nghệ thuật Thanh hóa	x		x			x	
11	Hội Đông y	x		x		x		
12	Hội Làm vườn và trang trại	x		x		x		
13	Hội Luật gia Thanh hóa	x		x		x		
14	Tinh Hội Khuyến học Thanh hóa	x		x		x		
15	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi	x		x			x	
16	Hội Cựu thanh niên xung phong	x		x		x		
17	Hội nạn nhân chất độc da cam	x		x			x	
18	Hội Người cao tuổi	x		x		x		
19	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Thanh Hóa	x		x		x		
20	Liên minh các hợp tác xã	x		x		x		
21	Liên đoàn bóng đá	x		x		x		
22	Tạp chí Xứ Thanh	x		x		x		
23	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh Thanh Hóa	x		x			x	
24	Đoàn Luật sư	x		x			x	
25	Câu lạc bộ Hàm Rồng	x		x			x	
III	Khối hành chính - Sự nghiệp kinh tế	80		80		77		3
1	Văn phòng HĐND tỉnh	x		x		x		
2	Văn phòng UBND tỉnh	x		x		x		
3	Sở Xây dựng	x		x		x		
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	x		x		x		
5	Sở Nội vụ	x		x		x		
6	Thanh tra tỉnh	x		x		x		
7	Sở Tài chính	x		x		x		
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	x		x				
9	Sở Ngoại vụ	x		x		x		
10	Sở Giao thông Vận tải	x		x		x		
11	Sở Tư pháp	x		x		x		
12	Văn phòng Tỉnh ủy	x		x		x		
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x		x		x		
14	Ban QL Khu kinh tế Nghi Sơn	x		x		x		
15	Sở Thông tin và Truyền thông	x		x		x		
16	Sở Công thương	x		x		x		

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
17	Ban Thi đua - Khen thưởng	x		x			x	
18	Ban Tôn giáo	x		x		x		
19	Ban Dân tộc	x		x		x		
20	Chi cục Quản lý thị trường	x		x		x		
21	Chi cục Thú y	x		x		x		
22	Chi cục Kiểm lâm	x		x		x		
23	Chi cục Biển và Hải đảo	x		x		x		
24	Chi cục Bảo vệ môi trường	x		x		x		
25	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	x		x		x		
26	Chi cục Lâm nghiệp	x		x		x		
27	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	x		x		x		
28	Trung tâm Bán đấu giá tài sản	x		x		x		
29	Phòng Công chứng NN số 2	x		x			x	
30	Nhà khách UBND tỉnh	x		x		x		
31	Phòng Công chứng số 1	x		x		x		
32	Phòng Công chứng NN số 3	x		x		x		
33	Chi cục Thủy Lợi	x		x		x		
34	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	x		x		x		
35	Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường	x		x		x		
36	Trung tâm Quan trắc và BVMT	x		x		x		
37	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	x		x		x		
38	Đoàn Mô địa chất	x		x		x		
39	Thanh tra giao thông	x		x		x		
40	Văn phòng Đăng ký QSDĐ	x		x		x		
41	Chi cục Đê điều và PCLB	x		x		x		
42	Ban quản lý Trung tâm phát triển nông thôn	x		x			x	
43	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới	x		x		x		
44	Chi cục KT & BV NL thủy sản	x		x		x		
45	Chi cục Phát triển nông thôn	x		x		x		
46	Chi cục Bảo vệ Thực vật	x		x		x		
47	BQL Khu bảo tồn TN Pù Luông	x		x		x		
48	BQL Khu bảo tồn TN Pù Hu	x		x		x		
49	BQL Khu bảo tồn TN Xuân Liên	x		x		x		
50	Vườn Quốc gia Bến En	x		x		x		
51	Ban quản lý RPH Lang Chánh	x		x		x		
52	Ban quản lý RPH Sông Đản	x		x		x		
53	Ban quản lý RPH Sim	x		x		x		
54	Ban quản lý RPH Sông Chàng	x		x		x		
55	Ban quản lý RPH Tĩnh Gia	x		x		x		

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
56	Ban quản lý RPH Sông Lò	x		x		x		
57	Ban quản lý RPH Như Xuân	x		x		x		
58	Ban quản lý RPH Mường Lát	x		x		x		
59	Ban quản lý RPH Thạch Thành	x		x		x		
60	Ban quản lý RPH Na Mèo	x		x		x		
61	Ban quản lý RPH Thanh Kỳ	x		x		x		
62	Ban quản lý RPH đầu nguồn Sông Chu	x		x		x		
63	Đoàn Quy hoạch nông lâm nghiệp	x		x		x		
64	TT nghiên cứu, UD KHKT lâm nghiệp	x		x		x		
65	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	x		x		x		
66	Đoàn Quy hoạch và thiết kế thủy lợi	x		x		x		
67	Trung tâm (TT) Nghiên cứu Ứng dụng KHKT giống cây trồng NN	x		x		x		
68	TT Kiểm nghiệm & chứng nhận chất lượng nông lâm sản và thủy sản	x		x		x		
69	TT NCUDKHKT chăn nuôi	x		x		x		
70	TT Nghiên cứu & SX giống thủy	x		x		x		
71	Ban quản lý cảng cá Lạch Hới	x		x		x		
72	Ban quản lý cảng cá Lạch Bạng	x		x		x		
73	Ban quản lý cảng cá Hòa Lộc	x		x		x		
74	Đoàn Đo đạc bản đồ và quy hoạch	x		x		x		
75	Trung tâm Phát triển quỹ đất	x		x		x		
76	Viện quy hoạch kiến trúc	x		x		x		
77	TT Xúc tiến đầu tư thương mại du lịch	x		x		x		
78	TT Nước sinh hoạt và VSMTNT	x		x		x		
79	Trung tâm khuyến nông	x		x		x		
80	Trung tâm Khuyến công và tiết kiệm năng lượng	x		x		x		
IV	Khối văn hóa	17		17		17		
1	Trung tâm PH phim và chiếu bóng	x		x		x		
2	Bảo tàng tỉnh	x		x		x		
3	Thư viện tỉnh	x		x		x		
4	Trung tâm HL&TD Thể thao	x		x		x		
5	Nhà hát ca múa - kịch Lam sơn	x		x		x		
6	Đoàn chèo	x		x		x		
7	Đoàn cải lương	x		x		x		
8	Đoàn tuồng	x		x		x		
9	Ban NC& Biên soạn lịch sử	x		x		x		
10	Trung tâm triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo	x		x		x		
11	Trung tâm Văn hóa tỉnh	x		x		x		
12	Ban QL di tích danh thắng	x		x		x		

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
13	Ban QL khu di tích Lam kinh	x		x		x		
14	Báo Văn hóa & đời sống	x		x		x		
15	Trung tâm Bảo tồn di sản Thành nhà Hồ	x		x		x		
16	Sở Văn hóa TT và Du lịch	x		x		x		
17	Đài PT&THình	x		x		x		
V	Khối Đào Tạo và dạy nghề	19		19		18		1
1	Đại học Hồng Đức	x		x		x		
2	Đại học VH TT & DL	x		x		x		
3	Cao đẳng TĐTT	x		x		x		
4	Cao đẳng Y tế	x		x		x		
5	Cao đẳng Nông lâm	x		x		x		
6	Trường Chính trị tỉnh	x		x		x		
7	Trung tâm giáo dục quốc tế	x		x		x		
8	Trường Trung cấp nghề phía nam TH	x		x		x		
9	Trung tâm giáo dục dạy nghề cho người mù	x		x		x		
10	Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm cho thanh	x		x		x		
11	Trường Trung cấp nghề miền núi	x		x		x		
12	Trường CD nghề Công nghiệp	x		x		x		
13	Trường Trung cấp nghề Xây dựng	x		x		x		
14	Trường Trung cấp nghề thương mại DL	x		x		x		
15	Trường Trung cấp nghề kỹ nghệ	x		x				x
16	Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải	x		x		x		
17	Trường CD nghề nông nghiệp và PTNT	x		x		x		
18	Trường TCN Thanh thiếu niên khuyết tật, đặc biệt KK	x		x		x		
19	Trung tâm dạy nghề phụ nữ	x		x		x		
VI	Khối Lao động	11		11		11		
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	x		x		x		
2	Chi cục phòng chống TNXH	x		x		x		
3	Trung tâm Bảo trợ xã hội	x		x		x		
4	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2	x		x		x		
5	Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người RNTT	x		x		x		
6	Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - LĐXH số 1	x		x		x		

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
7	Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - LDXH số 2	x		x		x		
8	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe NCC	x		x		x		
9	Trung tâm Điều dưỡng NCC	x		x		x		
10	Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội	x		x		x		
11	Trung tâm Dịch vụ việc làm	x		x		x		
VII	Khối khoa học	5		5		5		
1	Sở Khoa học và công nghệ	x		x		x		
2	Chi cục tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	x		x		x		
3	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và phát triển CN sinh học	x		x		x		
4	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	x		x		x		
5	Trung tâm Thông tin ứng dụng chuyên gia KHCN	x		x		x		
VIII	Khối Giáo dục	102		102		73	29	
1	Sở Giáo dục	x		x		x		
2	Trường THPT Hàm Rồng	x		x			x	
3	Trường THPT Đào Duy Từ	x		x			x	
4	Trường THPT Nguyễn Trãi	x		x			x	
5	Trường THPT Tô Hiến Thành	x		x			x	
6	Trường THPT Sầm Sơn	x		x		x		
7	Trường THPT Nguyễn Thị Lợi	x		x		x		
8	Trường THPT Bim Sơn	x		x			x	
9	Trường THPT Lê Hồng Phong	x		x		x		
10	Trường THPT Hà Trung	x		x		x		
11	Trường THPT Hoàng Lệ Kha	x		x		x		
12	Trường THPT Nguyễn Hoàng	x		x		x		
13	Trường THPT Ba Đình	x		x		x		
14	Trường THPT Mai Anh Tuấn	x		x		x		
15	Trường THPT Trần Phú	x		x		x		
16	Trường THPT Nga Sơn	x		x		x		
17	Trường THPT Hậu Lộc I *	x		x		x		
18	Trường THPT Hậu Lộc II	x		x			x	
19	Trường THPT Hậu Lộc III	x		x		x		
20	Trường THPT Hậu Lộc IV	x		x		x		
21	Trường THPT Đinh Chương Dương	x		x		x		
22	Trường THPT Lương Đắc Bằng	x		x		x		
23	Trường THPT Hoảng Hoá II	x		x			x	
24	Trường THPT Hoảng Hoá III	x		x			x	
25	Trường THPT Hoảng Hoá IV	x		x		x		
26	Trường THPT Lưu Đình Chất	x		x		x		

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội. đúng	Chưa đúng nội. đúng	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
27	Trường THPT Lê Việt Tạo	x		x		x		
28	Trường THPT Quảng Xương I	x		x		x		
29	Trường THPT Quảng Xương II	x		x		x		
30	Trường THPT Quảng Xương III	x		x		x		
31	Trường THPT Quảng Xương IV	x		x			x	
32	Trường THPT Đặng Thai Mai	x		x			x	
33	Trường THPT Nguyễn Xuân	x		x		x		
34	Trường THPT Tĩnh Gia I	x		x		x		
35	Trường THPT Tĩnh Gia II	x		x		x		
36	Trường THPT Tĩnh Gia III	x		x		x		
37	Trường THPT Tĩnh Gia 4	x		x			x	
38	Trường THPT Tĩnh Gia 5	x		x		x		
39	Trường THCS và THPT Nghi Sơn	x		x		x		
40	Trường THPT Nông Cống I	x		x			x	
41	Trường THPT Nông Cống II	x		x		x		
42	Trường THPT Nông Cống III	x		x		x		
43	Trường THPT Nông Cống IV	x		x		x		
44	Trường THPT Triệu Thị Trinh	x		x			x	
45	Trường THPT Đông Sơn I	x		x		x		
46	Trường THPT Đông Sơn II	x		x			x	
47	Trường THPT Nguyễn Mộng Tuân	x		x		x		
48	Trường THPT Triệu Sơn I	x		x		x		
49	Trường THPT Triệu Sơn II	x		x		x		
50	Trường THPT Triệu Sơn III	x		x		x		
51	Trường THPT Triệu Sơn IV	x		x			x	
52	Trường THPT Triệu Sơn 5	x		x			x	
53	Trường THPT Triệu Sơn 6	x		x		x		
54	Trường THPT Lê Lợi	x		x		x		
55	Trường THPT Lê Hoàn	x		x		x		
56	Trường THPT Lam Kinh	x		x			x	
57	Trường THPT Thọ Xuân IV	x		x			x	
58	Trường THPT Thọ Xuân 5	x		x			x	
59	Trường THPT Lê Văn Linh	x		x		x		
60	Trường THPT Thiệu Hoá	x		x		x		
61	Trường THPT Lê Văn Hưu	x		x		x		
62	Trường THPT Nguyễn Q. Nho	x		x			x	
63	Trường THPT Dương Đình Nghệ	x		x		x		
64	Trường THPT Yên Định I	x		x		x		
65	Trường THPT Yên Định II	x		x			x	
66	Trường THPT Yên Định III	x		x		x		
67	Trường THCS&THPT Thống Nhất	x		x		x		
68	Trường THPT Trần Ân Chiêm	x		x			x	
69	Trường THPT Tống Duy Tân	x		x			x	
70	Trường THPT Vĩnh Lộc	x		x			x	

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
71	Trường THPT Trần Khát Chân	x		x			x	
72	Trường THPT Thạch Thành I	x		x		x		
73	Trường THPT Thạch Thành II	x		x		x		
74	Trường THPT Cẩm Thủy I	x		x		x		
75	Trường THPT Cẩm Thủy II	x		x		x		
76	Trường THPT Ngọc Lặc	x		x		x		
77	Trường THPT Lê Lai	x		x		x		
78	Trường THPT Như Thanh	x		x		x		
79	Trường THPT Thạch Thành III	x		x		x		
80	Trường THPT Thạch Thành IV	x		x			x	
81	Trường THPT Cẩm Thủy III	x		x		x		
82	Trường THPT Lang Chánh	x		x		x		
83	Trường THPT Bá Thước	x		x		x		
84	Trường THPT Bá Thước III	x		x		x		
85	Trường THPT Hà Văn Mao	x		x		x		
86	Trường PTTH Bắc Sơn	x		x		x		
87	Trường THPT Quan Hoá	x		x		x		
88	Trường THCS và THPT Quan Hoá	x		x		x		
89	Trường THPT Quan Sơn	x		x			x	
90	Trường THPT Quan Sơn II	x		x			x	
91	Trường THPT Mường Lát	x		x		x		
92	Trường THPT Cẩm Bá Thước	x		x		x		
93	Trường THPT Thường Xuân II	x		x		x		
94	Trường THPT Thường Xuân III	x		x		x		
95	Trường THPT Như Thanh II	x		x			x	
96	Trường THCS & THPT Như Thanh	x		x		x		
97	Trường THPT Như Xuân II	x		x		x		
98	Trường THPT Như Xuân	x		x		x		
99	Trường THPT chuyên Lam Sơn	x		x		x		
100	Trường THPT Dân tộc nội trú	x		x		x		
101	Trung tâm Giáo dục TX	x		x		x		
102	Trung tâm GD KHTH	x		x		x		
B	Doanh nghiệp nhà nước	8		8		8		
1	Công ty TNHH MTV Sông Chu	x		x		x		
2	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Sông Mã	x		x		x		
3	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Sông Mã	x		x		x		
4	Công ty TNHH MTV Xô sở kiến thiết	x		x		x		
5	Công ty TNHH MTV Yên Mỹ	x		x		x		
6	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản	x		x		x		
7	Công ty TNHH MTV Sông Âm	x		x		x		
8	Công ty TNHH MTV Lam Sơn	x		x		x		

Số TT	Tên đơn vị	Đã thực hiện công khai Dự toán năm 2017						Chưa thực hiện công khai
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian	
C	Các quỹ có nguồn từ NSNN	5		5		5		
1	Quỹ Bảo vệ môi trường	x		x		x		
2	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	x		x		x		
3	Quỹ Phát triển đất	x		x		x		
4	Quỹ Bảo lãnh cho DNNVV	x		x		x		
5	Quỹ Đầu tư phát triển	x		x		x		

Handwritten signature

Biểu số 04:

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2017

Nguồn vốn: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Công văn số 4872 /UBND-KTTC ngày 08/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng.

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	NGUỒN VỐN CĐNS TỈNH				12.634.410	3.312.045	3.305.361	789.755
I	CHUYỂN TIẾP				10.035.210	3.308.365	3.301.681	689.755
1	Ngành Y tế				419.221	117.202	117.202	45.432
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành.	Thôn Đông Khanh, xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Không quá 04 năm	Xây dựng bệnh viện đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh với quy mô 150 giường bệnh	94.166	66.625	66.625	4.000
2	Đầu tư xây dựng Khoa quốc tế - Bệnh viện Đa khoa tỉnh.	Bệnh viện đa khoa tỉnh	T1/2015 - T1/2018	Xây dựng mới nhà 5 tầng với quy mô 50 giường bệnh	74.774	22.568	22.568	17.432
3	Xây dựng Khoa nội A và Trung tâm huyết học - truyền máu Bệnh viện đa khoa tỉnh.	181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa	Không quá 05 năm	11.109m ² (Khoa nội A 50 giường bệnh; Trung tâm huyết học và truyền máu 150 giường bệnh)	124.451			16.000
4	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.	Tại khu đất BV đang quản lý và sử dụng	Không quá 05	500 giường bệnh	125.830	28.009	28.009	8.000
2	Ngành giáo dục				297.314	222.781	222.781	50.010
1	Nâng cấp trường Cao đẳng Thể dục, Thể thao Thanh Hóa.	Tại khu đất trường đang quản lý và sử dụng	Không quá 04 năm	5.000 sinh viên	105.139	78.116	78.116	2.500

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
2	Thư viện tỉnh Thanh Hóa.	Tại khu đất thư viện đang quản lý và sử dụng	T6/2012 - T7/2016	Thư viện	192.175	144.665	144.665	47.510
3	Ngành giao thông				2.023.641	549.208	549.208	53.895
1	Cầu Yên Hoành qua sông Mã nối huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc.	Huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	T5/2010 - T5/2015	Đường L = 6.585m, cầu L = 395m	246.625	226.430	226.430	20.195
2	San lấp mặt bằng và xây dựng hệ thống đường giao thông ra, vào cảng hàng không Thọ Xuân.	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	2014-2016	San lấp 13,5ha; đường L = 855m	77.728	55.000	55.000	7.200
3	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị Sân bay Thọ Xuân.	Sân bay Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	2013-2015	Cải tạo nhà ga và nâng cấp hạ tầng khu bay, mua sắm trang thiết bị	289.758	147.459	147.459	13.500
4	Đường Trần Nhân Tông đoạn từ điểm cuối GĐ1 đại lộ Nam sông Mã đến đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn.	Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	02 năm	Xây dựng công trình đường giao thông 1.442,25m	126.203	100.000	100.000	3.000
5	Đường vành đai Đông Tây TP. Thanh Hoá, đoạn qua thị trấn Rừng Thông đến quốc lộ 1A.	Huyện Đông Sơn, Thanh Hóa	2016-2020	L = 5km	1.283.327	20.319	20.319	10.000
4	Ngành khác				7.295.034	2.419.174	2.412.490	540.418
1	Đường cơ động trong căn cứ hậu phương của tỉnh.				68.151	51.079	51.079	7.000
2	Tuyến đường bộ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa			324.300	131.841	131.841	9.000
3	Doanh trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	Phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	2014-2017	Nhà 10 tầng	193.487	91.000	91.000	20.000
4	Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	Đội Cảnh Tiên, trong quần thể núi Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa	T12/2010 - 1/8/2015		118.819	96.910	96.910	21.909

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
5	Cải dịch sông Tuấn Cung - KKT Nghi Sơn	Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa			107.719	20.000	20.000	5.000
6	Tuyến đường từ QL 1A đi Cảng Nghi Sơn - KKT Nghi Sơn (đoạn từ QL 1A đến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn).	Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa	2016-2018	Đường giao thông	1.479.095			5.000
7	Tòa nhà báo Thanh Hóa và Trung tâm báo chí TP. Thanh Hóa.	Tại quỹ đất quy hoạch cơ quan, khu đô thị Đông Hương	Không quá 05 năm	Xây dựng nhà làm việc 9 tầng và các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật	76.414	50.000	50.000	7.300
8	Nhà làm việc trung tâm Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa.				129.922	20.000	20.000	4.000
9	Hệ thống công trình thủy lợi xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	Xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	T10/2013 -T9/2015		45.448	40.129	40.129	5.319
10	Hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt của TP. Thanh Hóa và các vùng phụ cận.	Tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	Không quá 05 năm	Đầu tư xây dựng các hạng mục: San nền, giao thông, cống, hàng rào, cấp điện, thoát nước cho khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt của TP Thanh Hóa và các vùng phụ cận	133.155	81.900	81.900	10.000

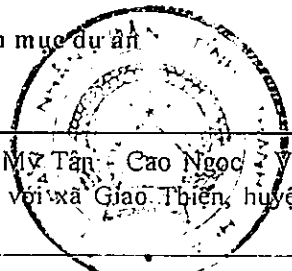
Handwritten signature

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
11	Đầu tư xây dựng hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và Trung tâm thông tin Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ.	Xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa	Không quá 05 năm	Xây dựng hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và Trung tâm thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ với quy mô 3 tầng cùng với hệ thống công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động của 2 trung tâm	61.707	20.000	20.000	16.000
12	Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống thủy sản Thanh Hóa (không bao gồm hạng mục thiết bị).	Thôn Xuân Vi, xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa	T8/2012 - T8/2015	ĐTXD khu văn phòng, khu nhà ở cán bộ, khu sản xuất, công trình hạ tầng kỹ thuật	76.506	64.517	64.517	11.989
13	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ Từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	2016-2020	Bảo tồn, tái hiện Phủ Trịnh và các giá trị phi vật thể thời Lê - Trịnh	289.942	20.000	20.000	20.000
14	Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh.	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Không quá 05 năm	Khôi phục và bảo tồn hình ảnh lịch sử và nghệ thuật tạo hình kiến trúc của khu di tích	259.114	186.072	186.072	5.000
15	Hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ, đèn thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	Tại đền thờ các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và các AHLS Hàm Rồng	Không quá 03 năm	Đầu tư hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ	63.051	27.506	27.506	12.000

X/Long

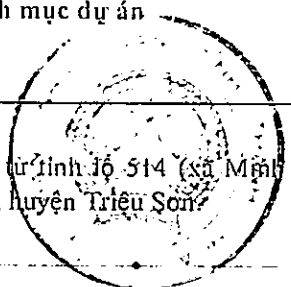
Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
16	Trung tâm Truyền hình - Tiễn lăm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hoá.	Thuộc Khu trung tâm Văn hóa tỉnh Thanh Hóa	Không quá 05 năm	Đầu tư xây dựng mới nhà Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật.	495.310	324.400	324.400	20.000
17	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật chăn nuôi Thanh Hóa (GD I).	Thôn Đông Nam, xã Hoàng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	T11/2014 - T9/2016	ĐTXD khu sản xuất giống, khu quản lý hành chính, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật và mua sắm trang thiết bị	72.492	50.000	50.000	22.492
18	Đường trục chính đô thị, thị trấn Đông Sơn (kết nối QL45, 47).	Xã Đông Tiến và xã Đông Xuân, huyện Đông Sơn	2016-2020	Xây dựng tuyến đường chiều dài 3.526,38m	153.021	16.000	16.000	15.000
19	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL1A với QL 10 (đoạn từ Đại Lộc đến Liên Lộc), huyện Hậu Lộc.	Xã Đại Lộc, Thành Lộc, Tuy Lộc, Quang Lộc, Phong Lộc, Cầu Lộc, Liên Lộc và Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc	2016-2020	Nâng cấp, cải tạo 13.852 m đường đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng	145.966	30.000	30.000	15.000
20	Đường giao thông đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiên, huyện Hoằng Hóa.	Xã Hải Tiên, huyện Hoằng Hóa	T6-2014 - T6/2017		135.877	34.000	34.000	9.000
21	Hệ thống giao thông xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	Xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	2015-2020	Đầu tư 3 tuyến đường GTNT cấp C	114.590	8.000	8.000	7.000
22	Đường giao thông từ bản Cá Nội, xã Pù Nhi đi bản Chim xã Nhi Sơn.	Xã Pù Nhi, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát	Không quá 05 năm	Đầu tư xây dựng 27.000m đường bao gồm nền đường và CT thoát nước	102.546	65.589	65.589	12.000

Handwritten signature



Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
23	Nâng cấp, cải tạo đường Mỹ Tân - Cao Ngọc Vân Am, huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	Huyện Ngọc Lặc, Lang Chánh	2016-2020	Nâng cấp cải tạo 25.085m đường	119.976	21.000	21.000	19.000
24	Đường từ xã Xuân Phú huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Hóa và huyện Quan Sơn	2016-2018	Xây dựng đường GTNT cấp B 6,8Km	46.999	16.500	16.500	7.000
25	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Quảng Lĩnh - Quảng Trường - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.	Các xã Quảng Lĩnh, Quảng Trường, Quảng Vọng, huyện Quảng Xương; xã Trường Giang, huyện Nông Cống	Không quá 03 năm	Cải tạo, nâng cấp 10.653m đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng	45.039	13.000	13.000	6.500
26	Cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.	Xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương	2016-2018	Xây dựng cầu bắc qua sông Hoàng và tuyến đường dài 1.803,43m	53.031	16.000	16.000	12.000
27	Đường giao thông xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành.	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Không quá 02 năm	Nâng cấp đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp VI, với chiều dài 11.533m	71.751	22.000	22.000	23.000
28	Đường giao thông cầu Kè - Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Không quá 02 năm	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp V, với chiều dài 7.425m	232.893	88.215	88.215	18.000
29	Nâng cấp trạm bơm tiêu Quang Hoa, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân.	Xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân	2016-2020	Đảm bảo tiêu úng cho 2.200 ha đất	84.981	13.000	13.000	15.125
30	Cải tạo, nâng cấp công trình đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đèo Am Tiên, huyện Triệu Sơn.	Xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn	Không quá 03 năm	Cải tạo, nâng cấp 4.622m đường giao thông	99.293	83.316	83.316	1.200

Handwritten signature



Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
31	Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2016-2020	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Tỉnh lộ 514 đến Tỉnh lộ 517 với chiều dài 8,427Km	79.960	13.000	13.000	20.000
32	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng, đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn.	Xã Dân Lý, Tiến Nông, Khuyến Nông, Đồng Tiến, Đồng Thắng huyện Triệu Sơn	2016-2018	Tu bổ nâng cấp hoàn thiện mặt cắt đê, gia cố mặt đê đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng dài 9,24Km	53.972	1.000	1.000	20.000
33	Trung tâm dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị cụm di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	2016-2018	Đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị cụm di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	45.947	4.700	4.700	8.000
34	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 với QL 45 huyện Vĩnh Lộc.	Ti 02 xa Vũnh Phúc vụ Vũnh Long, huyện Vũnh Léc.	03 năm	Thiết kế tuyến đường mới tránh thị trấn Vĩnh Lộc, đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, với tổng chiều dài 3.015,38 m.	149.778	30.500	30.500	25.000
35	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ QL45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định.	Thị trấn Quán Lào, xã Định Tường và Định Tăng huyện Vĩnh Lộc	2016-2018	Xây dựng mới tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng; Vtk 60km/h, chiều dài 4.179m	79.490	5.000	5.000	12.000
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh quốc lộ 45 vào Cụm Công nghiệp phía tây thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.	Xã Định Bình, Định Tường, Định Long và Định Liên huyện Yên Định	2017-2021	Đầu tư xây dựng mới 6,2 km tuyến đường tránh quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào	199.998			8.000

XTH

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
37	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài - thành phố Thanh Hóa.	Thành phố Thanh Hóa	Không quá 03 năm	Cải tạo, nâng cấp 846m đường cũ lên đường phố chính đô thị chủ yếu theo TCXDVN 104 2007	158.883	69.067	69.067	7.800
38	Trung tâm Hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bim Sơn.	Phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn	2014-2016	Trung tâm hội nghị kết hợp nhà văn hóa với quy mô 450 chỗ ngồi	57.551	8.615	8.615	7.100
39	Đường giao thông tỉnh lộ 7 đến đường gom Khu công nghiệp Bim Sơn.	Thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa	2 năm	Đường phố cấp khu vực với tốc độ TK = 60km/h	96.386	61.867	61.867	7.000
40	Đường giao thông từ QL1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bim Sơn.	Thị xã Bim Sơn	2016-2018	Đường phố chính đô thị thứ yếu và đường phố gom chiều dài 7.658,5m	181.086	30.000	30.000	15.000
41	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân hương, thị xã Sầm Sơn.	Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Không quá 05 năm	Cải tạo, nâng cấp 3.528 m đường cũ thành đường phố chính đô thị thứ yếu	455.655	352.250	352.250	5.000
42	Đường Bà Triệu, thị xã Sầm Sơn (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Vành Đai).	Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2015-2017	Đường giao thông	54.492	27.000	27.000	5.000
43	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn.	Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2016-2020	Nâng cấp cải tạo 5.086,59m đường	159.894	24.517	24.517	15.000
44	Nhà làm việc các Ban Tỉnh ủy Thanh Hóa.	Thành phố Thanh Hóa	6/2014-9-2015	6.451 m2 sàn + phụ trợ và hạ tầng	73.575	72.684	66.000	6.684
45	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động trong của các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa GD 2015-2020.	Thanh Hóa	2016-2020	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng	47.772	17.000	17.000	17.000
11	KHỞI CÔNG MỚI				2.599.200	3.680	3.680	100.000

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
1	Ngành giao thông				1.685.000	3.130	3.130	32.000
1	Đường giao thông ven biển nối TP. Sầm Sơn với Khu Kinh tế Nghi Sơn.	Thị xã Sầm Sơn - Quảng Xương	2017-2022	L = 20.061	1.480.000	2.930	2.930	20.000
2	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chẽ - Thiệu Toán - Hạnh Phúc.	Huyện Thiệu Hóa	2016	Đường cấp VI đồng bằng	120.000			12.000
3	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Dốc).	Huyện Hậu Lộc	2018-2020	Đường cấp IV 7,8km đồng bằng	85.000	200	200	
2	Ngành khác				914.200	550	550	68.000
1	Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18,50) m đến cao trình (+20,36) m.	Huyện Nông Cống	2017-2021	Đầu tư san lấp 2.600 m ² xây dựng hạ tầng khu TĐC Thanh Trung và xã Thanh Kỳ, 115,9km đường, nâng cấp 3 tràn tại thôn Bình Sơn, Bắc Sơn, xã Phú Sơn	293.000			12.000
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước thải, nước mưa phía Tây đường Hồ Xuân Hương.	Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2017	Hệ thống nước thải	153.000			12.000
3	Nâng cấp trạm bơm tiêu Đông Ngâu, xã Xuân Sơn, huyện Thọ Xuân.	Xã Xuân Sơn, huyện Thọ Xuân	2017-2018	Nâng cấp trạm bơm, hệ thống điện, cống tự chảy	50.000			10.000
4	Cải tạo, nâng cấp hồ Bai Cái, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành.	Xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	2017-2020	Hồ chứa 200ha	80.000	150	150	10.000
5	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái, huyện Quảng Xương.	Huyện Quảng Xương	2.015	Đường cấp IV đồng bằng	173.500	200	200	12.000
6	Đường giao thông Cẩm Bình - Cẩm Thạch - Cẩm Liên - Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy.	Huyện Cẩm Thủy			164.700	200	200	12.000
B	NGUỒN VỐN TW BỔ SUNG				9.785.407	2.836.266	2.836.266	536.910
I	CHUYÊN TIẾP				8.315.407	2.836.266	2.836.266	534.910
1	Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn							
	Nhóm B							
1	Đê, kè cửa sông Cản đoạn từ Công Mộng Giường di xã Nga Thái, Nga Tân, huyện Nga Sơn.	Xã Nga Thái, Nga Tân, huyện Nga Sơn.	2011-2016	Tăng chiều dài tuyến đê 5.917,8m và c.c công trình trên kênh	143.085	90.292	90.292	5.977

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
2	Nâng cao năng lực PCCC rừng tỉnh Thanh Hóa gđ/2016-2020			Đầu tư cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm Thanh Hoá gđ 2016-2020.	83.000	6.934	6.934	5.533
3	Củng cố bảo vệ, nâng cấp đê biển Nga sơn (GĐII)	Huyện Nga Sơn	8/2012-12/2015	Xây dựng công trình thủy lợi	255.116	94.000	94.000	11.306
4	Cấp nước sạch cho xã Cẩm Vân, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy và xã Yên Lâm, huyện Yên Định.	Huyện Cẩm Thủy, huyện Yên Định	2015-2019	Đảm bảo nước sinh hoạt cho 19.987 người dân	80.030	26.000	26.000	12.000
5	Khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương.	Huyện Quảng Xương	2016-2019	XD khu neo đậu tàu thuyền tránh bão	119.995	21.850	21.850	10.000
6	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, huyện Thường Xuân.	Huyện Thường Xuân			106.267	32.413	32.413	3.000
2	Sở Giao thông vận tải							
	Nhóm B							
7	Cầu bê tông đi xã Cẩm Lương huyện Cẩm Thủy	Huyện Cẩm Thủy	2010-2015	Xây dựng mới cầu vĩnh cửu và đường hai đầu cầu	130.528	69.000	69.000	10.000
8	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 516B, đoạn từ ngã tư thị trấn Quán Lâu đi thị trấn Thống Nhất	Huyện Yên Định	2016-2018	Cải tạo, nâng cấp công trình giao thông	156.969	23.000	23.000	12.000
3	Sở Giáo dục và Đào tạo							
	Nhóm A							
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở 3 - Trường Đại học Hồng Đức.	TP Thanh Hóa	2007-2017	Quy mô 3400 sinh viên	530.234	329.622	329.622	13.000
	Nhóm B							
10	Trung tâm giáo dục quốc phòng	Xã Quảng Thành, TP Thanh Hóa	4 năm	85.000m2	139.941	87.380	87.380	1.500
11	Đầu tư xây dựng công trình Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh tại đô thị Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.	Thị trấn Ngọc Lặc	2014 - 2018	XD trường theo tiêu chuẩn quốc gia với quy mô đào tạo 540 học sinh (18 lớp)	211.009	86.164	86.164	5.000

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
4	Sở Y tế Nhóm B							
12	Cải tạo nâng cấp và mở rộng bệnh viện Y học dân tộc tỉnh	TP Thanh Hóa	2011-2016	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của Bệnh viện Y học dân tộc từ 70 giường lên quy mô 170 giường bệnh nội trú	93.527	53.188	53.188	10.000
13	Nâng cấp Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa.	TP Thanh Hóa	2015-2019	Nâng cấp cơ sở vật chất với quy mô 100 giường bệnh	72.571	17.816	17.816	5.000
14	ĐTXD Bệnh viện Ung bướu	TP Thanh Hóa	2015-2019	XD bệnh viện quy mô 800 giường bệnh	498.000	10.000	10.000	12.000
15	Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa	Các BV tuyến tỉnh và các huyện trong tỉnh	2015-2017	Đầu tư cơ sở vật chất tại các BV tuyến tỉnh và các BV tuyến huyện	192.047	15.000	15.000	1.084
5	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Nhóm B							
16	Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu DTLS Lam Kinh	Huyện Thọ Xuân	2011-2016		259.144	186.072	186.072	15.000
6	Ban Kinh tế Nghi Sơn							
17	Đường Bắc Nam 2 (đoạn từ QL1A xã Xuân Lâm đến đường Đông Tây 1 (GD1))	KKT Nghi Sơn	2013-2017	Đường giao thông	605.621	317.500	317.500	40.000
18	Đường Đông Tây đoạn nối đường Bắc Nam 1B với đường Bắc Nam 3	KKT Nghi Sơn	2014-2017	Đường giao thông	366.716	173.500	173.500	40.000
19	Đường Bắc Nam 2 (đoạn từ nút giao với đường Đông Tây 1 đến nút giao với QL1A tại xã Tùng Lâm) Giai đoạn I	KKT Nghi Sơn	2011-2017	Đường giao thông	575.250	379.982	379.982	33.000
20	Đường Đông Tây 1 kéo dài - Khu Kinh tế Nghi Sơn.	KKT Nghi Sơn	2016-2019	Đường giao thông	398.439	100.000	100.000	60.000
21	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào Nhà máy xi măng Công Thanh (đoạn nút giao ngã ba xã Tân Trường vào Nhà máy xi măng Công Thanh)	KKT Nghi Sơn	2016-2018	Đường giao thông	119.941	30.000	30.000	30.000
7	Các đơn vị khác							

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
22	Nhóm B Tu bổ, nâng cấp tuyến đê sông Mã, đoạn K28+100 (xã Hoàng Khánh) - K44+350 (chân cầu Hàm Rồng), Hoàng Hóa.	Huyện Hoàng Hóa	2013-2018	XD công trình thủy lợi	309.090	99.000	99.000	10.000
23	Tu bổ, nâng cấp đê sông Mã đoạn K40+742-K44, TPTH	TP Thanh Hóa	2012-2017	XD công trình thủy lợi	116.397	10.000	10.000	8.000
24	Kè xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò, huyện Quan Sơn	Huyện Quan Sơn	2013-2018	XD công trình thủy lợi	81.278	24.000	24.000	8.000
25	Kè xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lèn, đoạn qua huyện Hà Trung	Huyện Hà Trung	2016-2019	XD công trình thủy lợi	89.889	12.000	12.000	9.000
26	Đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu chính, Thiệu Hóa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa	Huyện Thiệu Hóa	2016-2019	XD công trình thủy lợi	80.002	12.000	12.000	9.000
27	Kè chống sạt lở đê tả sông Bưởi đoạn K4+215-K8+362 xã Thành Hưng và đê hữu sông Bưởi đoạn K6+785 - K8+305 xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành.	Huyện Thạch Thành	2016-2019	XD công trình thủy lợi	80.050	12.000	12.000	9.000
28	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đê PAM 4617 xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc	2011-2016	Xây dựng công trình thủy lợi	146.092	99.842	99.842	4.694
29	Đường nối tỉnh lộ 516B với QL 45 từ xã Định Bình đi xã Định Liên, huyện Yên Định.	Huyện Yên Định	2012-2016	XD đường giao thông	62.671	40.200	40.200	10.816
30	Nâng cấp đường giao thông từ xã Thủy Sơn đi xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc.	Huyện Ngọc Lặc	2014-2018	Nâng cấp đường giao thông	70.617	21.000	21.000	5.000
31	Đường GT từ trung tâm xã Lũng Cao đi bản Kịt, huyện Bá Thước	Huyện Bá Thước	2011-2018	XD đường giao thông	66.354	30.000	30.000	5.000
32	Khu hành chính DV Khu BTTN Pù Luông, Bá Thước	Huyện Bá Thước	2013-2018	Xây dựng nhà ở	66.237	33.602	33.602	5.000
33	Đường Thiệu Phú - Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.	Huyện Thiệu Hóa	2013-2019	XD đường giao thông	51.664	16.500	16.500	5.000
34	Nâng cấp, cải tạo đường Xuân Quý - Thanh Lâm - Thanh Xuân, huyện Như Xuân.	Huyện Như Xuân	2015-2019	Nâng cấp, cải tạo đường GT	157.418	39.500	39.500	10.000
35	Đường giao thông phục vụ công tác cứu hộ cho các xã Trung Thượng và Trung Tiến, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	2014-2018	XD đường giao thông	272.599	16.600	16.600	13.000
36	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Hoàng Hóa	2016-2018	Nâng cấp, cải tạo đường GT	149.993	23.000	23.000	12.000

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
37	Đường giao thông từ Quốc lộ 15A đi trung tâm xã Đông Lương - đi Làng Thung, huyện Lang Chánh nối tiếp với xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc	Huyện Lang Chánh	2016-2017	XD đường giao thông	82.993	11.000	11.000	10.000
38	Cải tạo, nâng cấp đường kết nối huyện Nông Công - Quảng Xương (Đường Nghi Sơn đi Sao Vàng - Tỉnh lộ 525 - Tỉnh lộ 504)	Huyện Nông Công, huyện Quảng Xương	2016-2018	Nâng cấp, cải tạo đường GT	99.956	13.000	13.000	12.000
39	Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản Đông - Phong - Ngọc, huyện Hà Trung.	Huyện Hà Trung	2016-2019	XD cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản	65.987	14.200	14.200	5.000
40	Cấp điện nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013 - 2020.		2015-2020	Đầu tư mạng lưới cấp điện cho các xã nông thôn	711.124	48.000	48.000	8.000
41	Cụm công nghiệp làng nghề Hà Dương, huyện Hà Trung.	Huyện Hà Trung	2013-2016	XD cụm công nghiệp	60.080	26.800	26.800	5.000
42	Đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào khu du lịch sinh thái Bến En, huyện Như Thanh	Huyện Như Thanh	2016-2019	XD đường giao thông	80.006	10.909	10.909	10.000
43	Nâng cấp đường thị trấn Mường Lát - Đồn biên phòng 483 - Mốc G3 (GD 1).	Huyện Mường Lát	2014-2018	Nâng cấp, cải tạo đường GT	87.721	47.100	47.100	3.000
44	Đường tuần tra từ Km79 (QL.217) đi bản Cha Khót - Mốc quốc giới 331, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	2016-2019	XD đường giao thông	84.960	13.000	13.000	8.000
45	Đường giao thông từ xã Thanh Quân - Thanh Phong, huyện Như Xuân (Thanh Hóa) đi xã Châu Nga, huyện Châu Quỳ (Nghệ An)	Huyện Như Xuân	2016-2020	XD đường giao thông	104.799	13.300	13.300	15.000
11	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ Dự án nhóm B				1.470.000			
1	Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính kết nối các KCN phía Tây - KKT Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	2015-2017	XD đường giao thông	740.000			1.000
2	Đầu tư XD các tuyến đường trục chính Khu Đô thị trung tâm - KKT Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	2015-2017	XD đường giao thông	730.000			1.000

Handwritten signature